

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỶ

Kính gửi: - Ủy Ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

1. Tên tổ chức: Công ty cổ phần Helio Energy

- Mã chứng khoán: HIO
- Địa chỉ: Số 37 Bà Triệu, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Điện thoại liên hệ: (024)3 226 3333
- Email: info@helioenergy.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

Công ty cổ phần Helio Energy công bố thông tin các nội dung sau:

- Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2024;
- Giải trình biến động kết quả sản xuất kinh doanh hợp nhất bán niên năm 2024.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 30/07/2024 tại đường dẫn <https://helioenergy.vn>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Công văn số 11/2024/CV-HIO về việc Giải trình biến động kết quả sản xuất kinh doanh hợp nhất bán niên năm 2024.

Đại diện tổ chức

Người được ủy quyền công bố thông tin



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Bùi Tuấn Dương

Công ty Cổ phần Helio Energy

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024



Công ty Cổ phần Helio Energy

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024



Công ty Cổ phần Helio Energy

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Người đại diện theo pháp luật	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	10 - 45

90
C
CH
NS
VI
7-7

N: 01
C
I
E
THÀNH

Công ty Cổ phần Helio Energy

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Helio Energy ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0109204756 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 2 tháng 6 năm 2020, và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 6 ngày 17 tháng 4 năm 2024.

Công ty được chấp thuận trở thành công ty đại chúng theo Công văn số 5530/UBCK-GSĐC ngày 16 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Cổ phiếu của Công ty chính thức được đưa vào giao dịch trên thị trường UPCoM từ ngày 23 tháng 10 năm 2023 với mã chứng khoán HIO.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất điện và các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.

Công ty có trụ sở chính tại Tầng 4, số 37 Bà Triệu, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phan Thành Đạt	Chủ tịch Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2024
Bà Nguyễn Thị Lan	Chủ tịch	Miễn nhiệm từ ngày 15 tháng 4 năm 2024
Ông Bùi Tuấn Dương	Thành viên	
Ông Nguyễn Thanh Long	Thành viên độc lập	

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 6 năm 2024
Ông Phan Thành Đạt	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm từ ngày 15 tháng 4 năm 2024
Ông Bùi Tuấn Dương	Phó Tổng Giám đốc	

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Minh Đức	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Phương	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này là Ông Phan Thành Đạt.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Helio Energy

BÁO CÁO CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Helio Energy ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Người đại diện theo pháp luật cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty và các công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty và các công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

Người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Người đại diện theo pháp luật cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và các công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Người đại diện theo pháp luật cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Theo ý kiến của Người đại diện theo pháp luật, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Người đại diện theo pháp luật


Phan Thành Đạt
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 7 năm 2024

Số tham chiếu: 13664222/E-68360680/LR - HN

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Helio Energy

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Helio Energy ("Công ty") và các công ty con, được lập ngày 29 tháng 7 năm 2024 và được trình bày từ trang 5 đến trang 45, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Người đại diện theo pháp luật xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính hợp nhất đó vào ngày 25 tháng 3 năm 2024.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 chưa được soát xét hoặc kiểm toán.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Đức Trường
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0816-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 7 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 1 tháng 1 năm 2024
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		97.040.155.323	90.935.463.791
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	28.183.044.891	17.299.326.829
111	1. Tiền		24.183.044.891	17.299.326.829
112	2. Các khoản tương đương tiền		4.000.000.000	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		25.000.000.000	22.800.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	25.000.000.000	22.800.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		20.701.292.212	23.051.512.033
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	18.371.271.763	21.856.456.515
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	2.218.099.666	1.089.907.751
136	3. Phải thu ngắn hạn khác		111.920.783	105.147.767
140	IV. Hàng tồn kho		506.652.775	537.095.181
141	1. Hàng tồn kho	7	506.652.775	537.095.181
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		22.649.165.445	27.247.529.748
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	2.534.614.356	2.675.102.226
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		20.114.551.089	24.572.427.522
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		433.430.085.417	455.386.314.167
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		2.840.000.000	2.855.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	9	2.840.000.000	2.855.000.000
220	II. Tài sản cố định		358.289.054.129	378.157.042.371
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	358.289.054.129	378.157.042.371
222	Nguyên giá		493.147.313.989	493.147.313.989
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(134.858.259.860)	(114.990.271.618)
230	III. Bất động sản đầu tư	11	52.354.440.673	54.644.804.103
231	1. Nguyên giá		67.768.155.812	67.768.155.812
232	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(15.413.715.139)	(13.123.351.709)
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		15.505.884.752	15.002.288.849
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	12	15.505.884.752	15.002.288.849
260	V. Tài sản dài hạn khác		4.440.705.863	4.727.178.844
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	1.817.855.391	1.938.674.658
269	2. Lợi thế thương mại	13	2.622.850.472	2.788.504.186
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		530.470.240.740	546.321.777.958

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 1 tháng 1 năm 2024
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		281.536.921.999	312.703.326.096
310	I. Nợ ngắn hạn		73.117.924.844	74.337.604.752
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	3.407.245.032	3.721.808.239
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	1.069.248.511	1.487.908.304
314	3. Phải trả người lao động		203.500.000	1.042.388.159
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	3.370.357.763	4.531.866.656
318	5. Doanh thu chưa thực hiện	17	169.691.750	915.833.394
320	6. Vay ngắn hạn	19	64.092.000.000	62.637.800.000
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	18	805.881.788	-
330	II. Nợ dài hạn		208.418.997.155	238.365.721.344
338	1. Vay dài hạn	19	208.004.705.058	237.562.083.738
341	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	26.3	414.292.097	803.637.606
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		248.933.318.741	233.618.451.862
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	248.933.318.741	233.618.451.862
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		210.000.000.000	210.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		210.000.000.000	210.000.000.000
420	2. Vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu		8.331.664.665	8.331.664.665
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		30.601.654.076	15.286.787.197
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		14.480.905.409	5.213.264.849
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		16.120.748.667	10.073.522.348
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		530.470.240.740	546.321.777.958



Đỗ Thị Trang
Người lập biểu



Lê Thị Trang
Kế toán trưởng



Phan Thành Đạt
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 7 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	65.506.784.038	64.464.885.494
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ [10 = 01 - 02]	21.1	65.506.784.038	64.464.885.494
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	22	33.688.352.060	35.129.903.268
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ [20 = 10 - 11]		31.818.431.978	29.334.982.226
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	796.103.870	1.341.822.734
22	7. Chi phí tài chính	23	13.065.521.391	19.898.041.977
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		12.890.891.109	19.877.621.977
24	8. Lãi/(lỗ) trong công ty liên kết	12	503.595.903	(182.582.867)
25	9. Chi phí bán hàng		-	-
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	3.506.637.689	3.515.744.013
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + 21 - 22 + 24 - 25 - 26]		16.545.972.671	7.080.436.103
31	12. Thu nhập khác		401.367.473	5.168.541
32	13. Chi phí khác		195.753.823	96.896.834
40	14. Lợi nhuận/(lỗ) khác [40 = 31 - 32]		205.613.650	(91.728.293)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế [50 = 30 + 40]		16.751.586.321	6.988.707.810
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.1	1.020.183.163	717.480.950
52	17. (Thu nhập)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	26.3	(389.345.509)	151.286.011
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN [60 = 50 - 51 - 52]		16.120.748.667	6.119.940.849
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		16.120.748.667	6.119.940.849
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		-	-
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	768	268
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	28	768	268


Đỗ Thị Trang
Người lập biểu


Lê Thị Trang
Kế toán trưởng


Phan Thành Đạt
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 29 tháng 7 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		16.751.586.321	6.988.707.810
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định và phân bổ lợi thế thương mại		22.324.005.386	22.999.053.012
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(1.291.904.632)	(1.159.239.867)
06	Chi phí lãi vay	23	12.890.891.109	19.877.621.977
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		50.674.578.184	48.706.142.932
09	Giảm các khoản phải thu		6.823.096.254	1.638.234.082
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho		30.442.406	(308.271.209)
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả		(2.464.656.379)	398.916.031
12	Giảm chi phí trả trước		261.307.137	1.043.163.237
14	Tiền lãi vay đã trả		(13.493.859.181)	(19.716.276.359)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.432.320.408)	(1.451.727.900)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		40.398.588.013	30.310.180.814
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(25.000.000.000)	(25.730.000.000)
24	Tiền thu cho vay, bán các công cụ nợ của đơn vị khác		-	25.730.000.000
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		22.800.000.000	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		788.308.729	1.341.822.734
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động đầu tư		(1.411.691.271)	1.341.822.734

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		202.675.227.106	4.320.000.000
34	Tiền trả nợ gốc vay		(230.778.405.786)	(34.202.541.940)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(28.103.178.680)	(29.882.541.940)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		10.883.718.062	1.769.461.608
60	Tiền đầu kỳ		17.299.326.829	38.730.205.118
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	4	28.183.044.891	40.499.666.726



Đỗ Thị Trang
Người lập biểu



Lê Thị Trang
Kế toán trưởng



Phan Thành Đạt
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 7 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Helio Energy (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0109204756 do sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 2 tháng 6 năm 2020, và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 6 ngày 17 tháng 4 năm 2024.

Công ty được chấp thuận trở thành công ty đại chúng theo Công văn số 5530/UBCK-GSĐC ngày 16 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Cổ phiếu của Công ty chính thức được đưa vào giao dịch trên thị trường UPCoM từ ngày 23 tháng 10 năm 2023 với mã chứng khoán HIO.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất điện và các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.

Chu kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính Tầng 4, số 37 Bà Triệu, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 39 người (ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 46 người).

118
NG
HIỆM
T & V
T N
P H

04
G
PH
I
E
PH

Công ty Cổ phần Helio Energy

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty có 26 công ty con trực tiếp, 7 công ty con gián tiếp và 5 công ty liên kết gián tiếp (ngày 1 tháng 1 năm 2024: 26 công ty con trực tiếp, 7 công ty con gián tiếp và 5 công ty liên kết gián tiếp). Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của các công ty này là sản xuất điện mặt trời. Chi tiết như sau:

Các công ty con trực tiếp:

STT	Công ty	Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Địa chỉ
1	Công ty TNHH Apollo Power 2	100%	Tầng 4, số 37 Bà Triệu, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
2	Công ty TNHH Apollo Power 4	100%	Tầng 4, số 37 Bà Triệu, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
3	Công ty TNHH Ampire Power 4	100%	Tầng 8, số 152 Phó Đức Chính, Phường Trúc Bạch, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
4	Công ty TNHH Omega Power 3	100%	Tầng 4, số 37 Bà Triệu, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
5	Công ty TNHH Helio Bình Thuận	100%	Thôn Minh Tiến, Xã Hàm Minh, Huyện Hàm Thuận Nam, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam
6	Công ty TNHH Bức Tiến Mới Việt	100%	Số nhà 46, Thôn 10, Xã Ea Sar, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
7	Công ty TNHH Dahlia Việt Nam	100%	Thôn 6, Xã Cư Ni, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
8	Công ty TNHH Zon Power Việt Nam	100%	Số nhà 46, Thôn 10, Xã Ea Sar, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
9	Công ty TNHH Năng lượng xanh Lê Mạnh	100%	Thôn Trung Hòa, Xã Xuân Phú, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
10	Công ty TNHH KCP Energy	100%	Thôn Trung Hòa, Xã Xuân Phú, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
11	Công ty TNHH Năng lượng Thế kỷ mới	100%	Thôn 23, Xã Cư Ni, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
12	Công ty TNHH New Power Việt Nam	100%	Thôn 23, Xã Cư Ni, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
13	Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Mỹ	100%	Thôn 6, Xã Cư Ni, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
14	Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Anh	100%	Thôn 6, Xã Cư Ni, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
15	Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú	100%	Thôn 6, Xã Cư Ni, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

Công ty Cổ phần Helio Energy

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Các công ty con trực tiếp: (tiếp theo)

STT	Công ty	Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Địa chỉ
16	Công ty TNHH Two Brothers Energy	100%	Thôn 6, Xã Cư Ni, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
17	Công ty TNHH Mặt trời đỏ Việt	100%	Thôn 6, Xã Cư Ni, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
18	Công ty TNHH Mặt trời Tuấn Anh	100%	Số nhà 46, Thôn 10, Xã Ea Sar, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
19	Công ty TNHH Orchid Việt Nam	100%	Thôn 5, Xã Ea Nam, Huyện Ea H'leo, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
20	Công ty TNHH Solar Việt	100%	Thôn 5, Xã Ea Nam, Huyện Ea H'leo, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
21	Công ty TNHH Năng lượng Thời đại mới	100%	Thôn 2, Xã Cư Ế Wí, Huyện Cư Kuin, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
22	Công ty TNHH Sol Power Việt Nam	100%	Thôn 2, Xã Cư Ế Wí, Huyện Cư Kuin, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
23	Công ty TNHH MTV Năng lượng Hoàng Gia Phú	100%	Thôn Nhà Đền, Xã Ea Pô, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam
24	Công ty TNHH MTV Nghiêm Brothers Energy	100%	Thôn Nhà Đền, Xã Ea Pô, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam
25	Công ty TNHH Green Up Power Việt Nam	100%	Thôn Nhà Đền, Xã Ea Pô, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam
26	Công ty TNHH Carnation Việt Nam	100%	Thôn Nhà Đền, Xã Ea Pô, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam

Công ty Cổ phần Helio Energy

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Các công ty con gián tiếp (*)

STT	Công ty	Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Địa chỉ
1	Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NVH Việt Nam	100%	Thôn Rừng Lạnh, Xã Đắc Hòa, Huyện Đắc Song, Tỉnh Đắc Nông, Việt Nam
2	Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Thành Thắng	100%	Số 34, Ngõ 214, đường Phú Diễn, Phường Phú Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
3	Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Duy Đình	100%	Xóm 8, Thôn Đồng Tâm, Xã Kim Thư, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
4	Công ty TNHH Duy Đình Solar	100%	Thôn 7, Xã Trường Xuân, Huyện Đắc Song, Tỉnh Đắc Nông, Việt Nam
5	Công ty TNHH Duy Đình Việt Nam	100%	Số 5C, Ngách 445/10 Đường Lạc Long Quân, Phường Xuân La, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
6	Công ty TNHH NHY Solar Việt Nam	100%	Thôn 1, Xã Đắc Bút So, Huyện Tuy Đức, Tỉnh Đắc Nông, Việt Nam
7	Công ty TNHH Quang Trung Việt Nam	100%	Số 8, Ngõ 1126, Đường Nguyễn Khoái, Phường Lĩnh Nam, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Các công ty liên kết gián tiếp (*):

STT	Công ty	Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Địa chỉ
1	Công ty TNHH VVT Việt Nam	23%	Số 6, ngách 44/1/54 Phố Bằng B, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
2	Công ty TNHH Năng lượng mặt trời Nghiêm Văn	36%	Tầng 1 Tòa nhà Licogi 13 Đơn Nguyên A, số 164 Khuất Duy Tiến, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
3	Công ty TNHH DTT Solar Việt Nam	36%	Số 5C, ngách 445/10 Lạc Long Quân, Phường Xuân La, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
4	Công ty TNHH NVP Việt Nam	48%	Thôn Bon Bu M'Lanh B, Xã Đắc R-Tinh, Huyện Tuy Đức, Tỉnh Đắc Nông, Việt Nam
5	Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NNL Việt Nam	30%	Thôn Rừng Lạnh, Xã Đắc Hòa, Huyện Đắc Song, Tỉnh Đắc Nông, Việt Nam

(*) Công ty nắm giữ lợi ích và quyền biểu quyết tại các công ty con gián tiếp này thông qua các công ty con trực tiếp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty và các công ty con là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty và các công ty con áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ của Công ty và các công ty con là VND.

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ giữa các đơn vị, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty và các công ty con dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí có liên quan trực tiếp để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa, công cụ dụng cụ - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - Các chi phí mua ngoài, chi phí lao động trực tiếp và các chi phí khác cho các hợp đồng đang thực hiện.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.5 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 15 năm
Máy móc, thiết bị	10 – 15 năm
Tấm pin mặt trời	15 – 20 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 năm

3.6 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty và các công ty con có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	15 năm
------------------------	--------

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ trong kỳ thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.8 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty và các công ty con là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty và các công ty con là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Doanh thu từ hoạt động cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 *Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại*

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ, Công ty phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

Hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung

Hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung là một nghiệp vụ hợp nhất kinh doanh trong đó tất cả các công ty được đồng kiểm soát bởi cùng một đối tượng hoặc các đối tượng trước và sau khi hợp nhất kinh doanh, và sự kiểm soát này là không nhất thời. Một công ty có thể chịu sự kiểm soát bởi một cá nhân hoặc nhóm cá nhân theo một thỏa thuận hợp đồng.

Giao dịch hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được thực hiện như sau:

- ▶ Tài sản và nợ phải trả của các đơn vị được hợp nhất theo giá trị ghi sổ tại ngày hợp nhất kinh doanh;
- ▶ Không có lợi thế thương mại phát sinh từ giao dịch hợp nhất kinh doanh;
- ▶ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh của các đơn vị được hợp nhất từ thời điểm hợp nhất kinh doanh;
- ▶ Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh và giá trị tài sản thuần của bên bị hợp nhất được ghi nhận vào Vốn khác của chủ sở hữu.

3.11 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Công ty và các công ty con có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty và các công ty con. Thông thường, Công ty và các công ty con được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty và các công ty con trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Công ty và các công ty con không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh phần sở hữu của Công ty và các công ty con trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của Công ty và các công ty con trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng năm với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Công ty và các công ty con. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty và các công ty con đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho cán bộ công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty và các công ty con có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được xác định căn cứ theo các Hợp đồng mua bán điện được ký kết giữa Công ty và các công ty điện lực và các phụ lục hợp đồng có liên quan. Doanh thu ghi nhận dựa trên sản lượng điện mua bán hàng tháng được xác nhận giữa hai bên. Đơn giá bán điện được xác định dựa trên Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg ngày 6 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu từ cung cấp dịch vụ sẽ được ghi nhận dựa trên mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định dựa theo khối lượng dịch vụ đã được thực hiện.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Doanh thu cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các Công ty và các công ty con con, Công ty và các công ty con liên kết và khoản vốn góp liên doanh khi doanh nghiệp có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các Công ty và các công ty con con, Công ty và các công ty con liên kết và khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.17 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Công ty và các công ty con chủ yếu được xác định dựa trên loại hình sản phẩm và dịch vụ cung cấp. Người đại diện theo pháp luật xác định bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty và các công ty con dựa theo địa điểm của các tài sản của Công ty và các công ty con là ở Việt Nam. Do đó, Công ty và các công ty con không trình bày báo cáo bộ phận chi tiết theo khu vực địa lý.

3.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các Công ty và các công ty con hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 1 tháng 1 năm 2024
Tiền mặt	2.154.386.000	3.476.342.000
Tiền gửi ngân hàng	22.028.658.891	13.822.984.829
Các khoản tương đương tiền (*)	4.000.000.000	-
TỔNG CỘNG	<u>28.183.044.891</u>	<u>17.299.326.829</u>

(*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 bao gồm khoản tiền gửi tại Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực với kỳ hạn gốc 1 tháng và hưởng lãi suất 4%/năm.

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 1 tháng 1 năm 2024
Hợp đồng tiền gửi (*)	25.000.000.000	-
Các khoản ủy thác đầu tư	-	22.800.000.000
TỔNG CỘNG	<u>25.000.000.000</u>	<u>22.800.000.000</u>

(*) Hợp đồng tiền gửi tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 bao gồm các khoản tiền gửi tại Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực với kỳ hạn gốc 4 tháng, hưởng lãi suất 4,6%/năm.

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 1 tháng 1 năm 2024
Phải thu từ các bên khác	17.593.671.763	13.248.856.515
- Công ty Điện lực Đắk Lắk	4.651.695.388	3.292.796.065
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Năng lượng OSCAR	2.487.283.325	942.699.996
- Công ty Điện lực Đắk Nông	2.369.862.476	2.273.261.994
- Khác	8.084.830.574	6.740.098.460
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	777.600.000	8.607.600.000
TỔNG CỘNG	<u>18.371.271.763</u>	<u>21.856.456.515</u>

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 1 tháng 1 năm 2024
Trả trước cho người bán		
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp LK	998.099.666	-
- Công ty Đầu tư Xây dựng điện Huy Hoàng	700.000.000	-
- Công ty Cổ phần đầu tư và Xây lắp Trường Tiến	404.500.000	404.500.000
- Công ty TNHH Phú Gia Construction	-	629.937.000
- Khác	115.500.000	55.470.751
TỔNG CỘNG	<u>2.218.099.666</u>	<u>1.089.907.751</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

7. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024		Ngày 1 tháng 1 năm 2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	376.665.686	-	387.561.999	-
Thiết bị, phụ tùng thay thế	123.087.089	-	135.733.182	-
Nguyên vật liệu	6.900.000	-	13.800.000	-
TỔNG CỘNG	506.652.775	-	537.095.181	-

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 1 tháng 1 năm 2024
	Ngắn hạn	
Tiền thuê đất, thuê mái trả trước	1.236.517.268	1.726.001.746
Chi phí bảo hiểm	398.946.653	340.580.708
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	899.150.435	608.519.772
TỔNG CỘNG	2.534.614.356	2.675.102.226
Dài hạn		
Tiền thuê đất, thuê mái trả trước	919.893.003	794.561.421
Chi phí trả trước dài hạn khác	897.962.388	1.144.113.237
TỔNG CỘNG	1.817.855.391	1.938.674.658

9. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 1 tháng 1 năm 2024
	Các khoản đặt cọc	2.840.000.000
TỔNG CỘNG	2.840.000.000	2.855.000.000
Trong đó:		
Phải thu dài hạn từ các bên khác	2.840.000.000	2.425.000.000
Phải thu dài hạn từ các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	-	430.000.000

Công ty Cổ phần Helio Energy

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Thiết bị văn phòng	Phương tiện truyền dẫn	Tám pin mặt trời	Tổng cộng	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá:							
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	8.055.743.108	152.872.416.235	102.201.818	86.648.448.150	245.468.504.678	493.147.313.989	
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024	8.055.743.108	152.872.416.235	102.201.818	86.648.448.150	245.468.504.678	493.147.313.989	
Giá trị khấu hao lũy kế:							
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	1.889.624.565	41.483.960.178	16.026.269	23.957.512.953	47.643.147.653	114.990.271.618	
- Khấu hao trong kỳ	329.018.642	7.173.969.605	17.033.634	4.531.604.639	7.816.361.722	19.867.988.242	
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024	2.218.643.207	48.657.929.783	33.059.903	28.489.117.592	55.459.509.375	134.858.259.860	
Giá trị còn lại:							
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	6.166.118.543	111.388.456.057	86.175.549	62.690.935.197	197.825.357.025	378.157.042.371	
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024	5.837.099.901	104.214.486.452	69.141.915	58.159.330.558	190.008.995.303	358.289.054.129	

Công ty và các công ty con đã sử dụng toàn bộ hệ thống điện mặt trời trên mái nhà với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 357,6 tỷ VND (tại ngày 1 tháng 1 năm 2024 là 377,4 tỷ VND) làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số 19.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Đơn vị tính: VND

Nhà cửa, vật kiến trúc

Nguyên giá:

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024 67.768.155.812

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 67.768.155.812

Giá trị khấu hao lũy kế:

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024 13.123.351.709

- Hao mòn trong kỳ 2.290.363.430

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 15.413.715.139

Giá trị còn lại:

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024 54.644.804.103

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 52.354.440.673

Bất động sản đầu tư của Công ty bao gồm hệ thống khung giàn nhà xưởng do Công ty và các công ty con sở hữu và vận hành cho thuê.

Công ty và các công ty con chưa thực hiện xác định giá trị hợp lý cho toàn bộ bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 do chưa thu thập đủ thông tin về thị trường để phục vụ cho mục đích xác định giá trị hợp lý.

Công ty và các công ty con đã sử dụng một số bất động sản đầu tư với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 24,5 tỷ VND (tại ngày 1 tháng 1 năm 2024 là 54,6 tỷ VND) làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số 19.

911
 ĐN
 NHIỆ
 T &
 ỆT
 P. I

30
 Y
 N
 C
 H
 H

Công ty Cổ phần Helio Energy

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NNL Việt Nam	Công ty TNHH VVT Việt Nam	Công ty TNHH NVP Việt Nam	Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Nghiêm vấn	Công ty TNHH DTT Solar Việt Nam	Đơn vị tính: VND
Giá trị đầu tư:						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	3.000.000.000	2.070.000.000	4.225.100.000	3.018.200.000	2.953.400.000	15.266.700.000
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024	3.000.000.000	2.070.000.000	4.225.100.000	3.018.200.000	2.953.400.000	15.266.700.000
Phần lũy kế lợi nhuận/(lỗ) sau khi mua công ty liên kết:						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	(72.420.170)	(223.901.235)	21.483.337	11.359.305	(932.388)	(264.411.151)
Phần lợi nhuận từ công ty liên kết	48.612.721	30.918.018	189.930.612	120.137.187	113.997.365	503.595.903
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024	(23.807.449)	(192.983.217)	211.413.949	131.496.492	113.064.977	239.184.752
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	2.927.579.830	1.846.098.765	4.246.583.337	3.029.559.305	2.952.467.612	15.002.288.849
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024	2.976.192.551	1.877.016.783	4.436.513.949	3.149.696.492	3.066.464.977	15.505.884.752

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty liên kết tại ngày kết thúc niên độ kế toán do đây là các công ty chưa niêm yết và các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào các công ty liên kết này.

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết cũng như tỷ lệ sở hữu của Công ty và các công ty con tại các công ty liên kết được trình bày tại Thuyết minh số 1.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Tình hình tăng giảm lợi thế thương mại trong kỳ như sau:

	Lợi thế thương mại từ hợp nhất Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NVH Việt Nam	Lợi thế thương mại từ hợp nhất Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Thành Thắng	Lợi thế thương mại từ hợp nhất Công ty TNHH Duy Đình Việt Nam	Lợi thế thương mại từ hợp nhất Công ty TNHH NHY Solar Việt Nam	Lợi thế thương mại từ hợp nhất Công ty TNHH Quang Trung Việt Nam	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá:						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	751.281.389	915.828.524	647.669.883	723.925.653	274.368.838	3.313.074.287
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024	751.281.389	915.828.524	647.669.883	723.925.653	274.368.838	3.313.074.287
Phân bổ lũy kế:						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	118.952.888	145.006.184	102.547.732	114.621.563	43.441.734	524.570.101
Phân bổ trong kỳ	37.564.069	45.791.425	32.383.494	36.196.284	13.718.442	165.653.714
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024	156.516.957	190.797.609	134.931.226	150.817.847	57.160.176	690.223.815
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	632.328.501	770.822.340	545.122.151	609.304.090	230.927.104	2.788.504.186
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024	594.764.432	725.030.915	512.738.657	573.107.806	217.208.662	2.622.850.472

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024		Ngày 1 tháng 1 năm 2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Amber Capital	1.546.646.807	1.546.646.807	769.781.575	769.781.575
Công ty Cổ phần Năng lượng NCC	429.510.000	429.510.000	429.510.000	429.510.000
Phải trả đối tượng khác	1.431.088.225	1.431.088.225	2.522.516.664	2.522.516.664
TỔNG CỘNG	3.407.245.032	3.407.245.032	3.721.808.239	3.721.808.239
Trong đó:				
<i>Phải trả các bên khác</i>	3.407.245.032	3.407.245.032	2.952.026.664	2.952.026.664
<i>Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 27)</i>	-	-	769.781.575	769.781.575

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Ngày 1 tháng 1 năm 2024	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2024
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.432.320.408	1.020.183.163	1.432.320.408	1.020.183.163
Thuế thu nhập cá nhân	55.587.896	265.938.664	272.461.212	49.065.348
Các loại thuế khác	-	73.000.000	73.000.000	-
TỔNG CỘNG	1.487.908.304	1.359.121.827	1.777.781.620	1.069.248.511

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 1 tháng 1 năm 2024
Chi phí dịch vụ vận hành và bảo trì	2.774.704.108	2.432.536.132
Chi phí lãi vay	301.853.642	904.821.714
Các khoản trích trước khác	293.800.013	1.194.508.810
TỔNG CỘNG	3.370.357.763	4.531.866.656

17. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 1 tháng 1 năm 2024
Doanh thu cho thuê hoạt động	169.691.750	915.833.394
TỔNG CỘNG	169.691.750	915.833.394

Công ty Cổ phần Helio Energy

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Đơn vị tính: VND	
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Số đầu kỳ	-
Trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	805.881.788
Sử dụng trong kỳ	-
Số cuối kỳ	805.881.788

19. VAY

Thuyết minh	Ngày 1 tháng 1 năm 2024		Số phát sinh trong kỳ		Phân loại lại theo lịch trả nợ		Ngày 30 tháng 6 năm 2024		Số có khả năng trả nợ
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	Giá trị		
Vay ngắn hạn									
Vay cá nhân	865.000.000	865.000.000	4.770.000.000	4.750.000.000	-	-	885.000.000	885.000.000	
Vay dài hạn	61.772.800.000	61.772.800.000	53.165.318.680	76.821.074.680	25.089.956.000	-	63.207.000.000	63.207.000.000	
đến hạn trả	62.637.800.000	62.637.800.000	57.935.318.680	81.571.074.680	25.089.956.000	-	64.092.000.000	64.092.000.000	
Vay dài hạn									
Vay ngân hàng và công ty tài chính	237.562.083.738	237.562.083.738	144.739.908.426	149.207.331.106	-	25.089.956.000	208.004.705.058	208.004.705.058	
	237.562.083.738	237.562.083.738	144.739.908.426	149.207.331.106	-	25.089.956.000	208.004.705.058	208.004.705.058	
TỔNG CỘNG	300.199.883.738	300.199.883.738	202.675.227.106	230.778.405.786	25.089.956.000	25.089.956.000	272.096.705.058	272.096.705.058	

Công ty Cổ phần Helio Energy

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. VAY (tiếp theo)

19.1 Vay cá nhân

Đây là các khoản vay tín chấp từ cá nhân với thời hạn dưới 1 năm, khoản vay cuối cùng đáo hạn vào tháng 10 năm 2024. Lãi suất áp dụng cho các khoản vay này 10%/năm, lãi vay trả cuối kỳ.

19.2 Vay ngân hàng và công ty tài chính dài hạn

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Kỳ hạn trả gốc và lãi vay	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long	108.291.500.000	Khoản vay cuối cùng được hoàn trả vào tháng 11 năm 2027. Gốc vay và lãi vay được trả hàng tháng.	6,6%	<ul style="list-style-type: none">- Hệ thống điện mặt trời trên mái nhà của một số công ty con;- Toàn bộ phần vốn góp của Công ty tại một số công ty con theo các Hợp đồng thế chấp;- Quyền khai thác và quản lý dự án đầu tư;- Quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng mua bán điện của một số công ty con.
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Đắk Lắk	60.455.908.426	Khoản vay cuối cùng được hoàn trả vào tháng 8 năm 2032. Gốc vay và lãi vay được trả hàng tháng.	7%	<ul style="list-style-type: none">- Hệ thống điện mặt trời trên mái nhà của một số công ty con;- Quyền phát sinh từ việc khai thác, kinh doanh, vận hành một số dự án điện mặt trời;- Toàn bộ phần vốn góp tại một số công ty con gián tiếp theo các Hợp đồng thế chấp;- Quyền sử dụng đất của một số cá nhân.
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm	49.014.493.976	Khoản vay cuối cùng được hoàn trả vào tháng 7 năm 2029. Gốc vay và lãi vay được trả hàng tháng.	8% - 8,4%	<ul style="list-style-type: none">- Hệ thống điện mặt trời trên mái nhà thuộc sở hữu Công ty và một số công ty con;- 19.973.500 cổ phần của Công ty Cổ phần Helio Power – công ty mẹ của Công ty;- Toàn bộ phần vốn góp tại một số công ty con theo các Hợp đồng thế chấp;- Quyền khai thác và quản lý một số dự án đầu tư;- Quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng mua bán điện của một số công ty con.

Công ty Cổ phần Helio Energy

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. VAY (tiếp theo)			
19.2 Vay ngân hàng và công ty tài chính dài hạn (tiếp theo)			
Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi vay	Lãi suất (%/năm)
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Ban Mê	33.669.802.656	Khoản vay cuối cùng được hoàn trả vào tháng 6 năm 2030. Gốc vay và lãi vay được trả hàng tháng.	6,8% - Hệ thống điện mặt trời trên mái nhà của một số công ty con.
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình	13.240.000.000	Khoản vay cuối cùng được hoàn trả vào tháng 6 năm 2029. Gốc vay và lãi vay được trả hàng tháng.	8% - 8,4% - Hệ thống điện mặt trời trên mái nhà của một số công ty con; - Toàn bộ phần vốn góp của Công ty tại một số công ty con theo các Hợp đồng thế chấp; - Quyền khai thác và quản lý một số dự án đầu tư; - Quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng mua bán điện của một số công ty con.
Công ty Tài chính Cò phân Điện lực	6.540.000.000	Khoản vay cuối cùng được hoàn trả vào tháng 11 năm 2027. Gốc vay và lãi vay được trả hàng tháng.	8,9% - 9,15% - Một số hệ thống điện mặt trời trên mái nhà thuộc sở hữu Công ty.
TỔNG CỘNG	271.211.705.058		
Trong đó:			
Vay dài hạn đến hạn trả	63.207.000.000		
Vay dài hạn	208.004.705.058		

Công ty Cổ phần Helio Energy

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần đã phát hành	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	210.000.000.000	8.331.664.665	5.213.264.849	223.544.929.514
- Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	6.119.940.849	6.119.940.849
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023	210.000.000.000	8.331.664.665	11.333.205.698	229.664.870.363
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	210.000.000.000	8.331.664.665	15.286.787.197	233.618.451.862
- Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	16.120.748.667	16.120.748.667
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	(805.881.788)	(805.881.788)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024	210.000.000.000	8.331.664.665	30.601.654.076	248.933.318.741

(*) Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2024/HIO/NQ-DHĐCĐ ngày 15 tháng 4 năm 2024.

20.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024		Ngày 1 tháng 1 năm 2024	
	Tổng giá trị (VND)	Cổ phiếu thường	Tổng giá trị (VND)	Cổ phiếu thường
Công ty Cổ phần Helio Power	145.560.000.000	14.556.000	145.560.000.000	14.556.000
Vốn góp của các cổ đông khác	64.440.000.000	6.444.000	64.440.000.000	6.444.000
TỔNG CỘNG	210.000.000.000	21.000.000	210.000.000.000	21.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

20.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Vốn đã góp		
Số đầu kỳ	210.000.000.000	210.000.000.000
Số cuối kỳ	210.000.000.000	210.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã công bố	-	-

20.4 Cổ phiếu

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 1 tháng 1 năm 2024
	Số cổ phần	Số cổ phần
Cổ phiếu đã được duyệt	21.000.000	21.000.000
Cổ phiếu đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	21.000.000	21.000.000
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	21.000.000	21.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (Ngày 1 tháng 1 năm 2024: 10.000 VND/cổ phiếu).

21. DOANH THU

21.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Tổng doanh thu	65.506.784.038	64.464.885.494
Trong đó:		
Doanh thu bán điện	56.308.375.728	53.339.610.408
Doanh thu cung cấp dịch vụ tư vấn, quản lý	6.849.216.520	8.680.500.000
Doanh thu cho thuê	2.349.191.790	2.444.775.086
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	65.506.784.038	64.464.885.494
Trong đó:		
Doanh thu đối với các bên khác	61.830.047.818	62.873.885.494
Doanh thu đối với các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	3.676.736.220	1.591.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. DOANH THU (tiếp theo)

21.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Lãi từ tiền gửi và các khoản đầu tư	796.103.870	1.341.822.734
TỔNG CỘNG	796.103.870	1.341.822.734

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Giá vốn bán điện	26.828.565.331	27.375.497.662
Giá vốn dịch vụ tư vấn, quản lý	4.281.464.098	5.190.042.862
Giá vốn hoạt động cho thuê	2.578.322.631	2.564.362.744
TỔNG CỘNG	33.688.352.060	35.129.903.268

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Chi phí lãi vay	12.890.891.109	19.877.621.977
Chi phí tài chính khác	174.630.282	20.420.000
TỔNG CỘNG	13.065.521.391	19.898.041.977

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Chi phí nhân viên quản lý	1.089.060.770	1.236.829.065
Chi phí khấu hao tài sản cố định	76.322.598	59.288.964
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.091.468.690	1.864.414.566
Phân bổ lợi thế thương mại	165.653.714	224.032.888
Chi phí khác	84.131.917	131.178.530
TỔNG CỘNG	3.506.637.689	3.515.744.013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Chi phí nhân công	4.694.516.605	5.590.089.603
Chi phí khấu hao tài sản cố định, bất động sản đầu tư và phân bổ lợi thế thương mại	22.324.005.386	22.999.053.012
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.019.115.343	10.106.440.253
Chi phí khác	146.456.102	244.535.622
TỔNG CỘNG	37.184.093.436	38.940.118.490

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty và các công ty con là 20% lợi nhuận chịu thuế ngoại trừ:

- ▶ Các công ty con có dự án điện mặt trời trên mái nhà tại một số huyện thuộc các tỉnh Đắk Lắk và Đắk Nông được hưởng mức ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất 10% trong 15 năm đồng thời được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong vòng 4 năm đầu tiên từ thời điểm phát sinh thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 9 năm tiếp theo.
- ▶ Các công ty con có dự án điện mặt trời trên mái nhà tại huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong vòng 2 năm đầu tiên từ thời điểm phát sinh thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 4 năm tiếp theo.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

26.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	16.751.586.321	6.988.707.810
Các khoản điều chỉnh		
Chi phí không được trừ	870.504.411	4.962.285.599
Chuyển lãi vay không được trừ các năm trước sang chi phí lãi vay được trừ trong kỳ	(3.225.025.156)	(690.491.975)
Ảnh hưởng của bút toán hợp nhất	861.532.852	(216.528.286)
Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế chưa cần trừ lỗ năm trước	15.258.598.428	11.043.973.148
Lỗ năm trước chuyển sang	-	(671.233.362)
Thu nhập tính thuế	15.258.598.428	10.372.739.786
<i>Trong đó</i>		
Thu nhập chịu thuế suất 20%	5.026.982.422	3.530.886.448
Thu nhập chịu thuế suất 10%	147.866.781	113.036.601
Thu nhập được miễn, giảm thuế	10.083.749.225	6.728.816.738
Chi phí thuế TNDN	1.020.183.163	717.480.950

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

26.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty và các công ty con khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

26.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty và các công ty con đã ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong kỳ này và kỳ trước thể hiện như sau:

Đơn vị tính: VND

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 1 tháng 1 năm 2024	Kỳ này	Kỳ trước
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả				
Chênh lệch đánh giá lại tài sản từ hợp nhất kinh doanh	180.798.870	176.437.440	4.361.430	55.888.420
Các khoản dự phòng	233.493.227	627.200.166	(393.706.939)	95.397.591
	414.292.097	803.637.606		
(Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào ké quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ			(389.345.509)	151.286.011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan với Công ty và các công ty con trong kỳ và tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần Helio Power Ông Phan Thành Đạt	Công ty mẹ Chủ tịch Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) từ ngày 15 tháng 4 năm 2024/Thành viên HĐQT Tổng Giám đốc đến ngày 15 tháng 4 năm 2024 Chủ tịch HĐQT đến ngày 15 tháng 4 năm 2024 Thành viên HĐQT/Phó Tổng Giám đốc/ Người đại diện quản lý vốn góp của công ty mẹ Thành viên độc lập HĐQT Tổng Giám đốc từ ngày 11 tháng 6 năm 2024 Kế toán trưởng đến ngày 11 tháng 6 năm 2024 Trưởng Ban kiểm soát Thành viên Ban kiểm soát Thành viên Ban kiểm soát Kế toán trưởng từ ngày 11 tháng 6 năm 2024 Có thành viên quản lý chủ chốt là bên liên quan đến ngày 15 tháng 4 năm 2024 Bên liên quan khác đến ngày 19 tháng 6 năm 2024
Bà Nguyễn Thị Lan Ông Bùi Tuấn Dương	
Ông Nguyễn Thanh Long Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	
Ông Trần Minh Đức Bà Nguyễn Thị Phương Bà Nguyễn Thị Thanh Hương Bà Lê Thị Trang Công ty Cổ phần Amber Capital	
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời NHY Việt Nam Công ty TNHH Nghiêm Văn Việt Nam Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời NVP Việt Nam Công ty TNHH Alpha Solar 2	Bên liên quan khác đến ngày 19 tháng 6 năm 2024 Bên liên quan khác đến ngày 13 tháng 6 năm 2024 Có thành viên quản lý chủ chốt là bên liên quan đến ngày 20 tháng 3 năm 2024 Có thành viên quản lý chủ chốt là bên liên quan đến ngày 20 tháng 3 năm 2024 Có thành viên quản lý chủ chốt là bên liên quan đến ngày 20 tháng 3 năm 2024 Công ty liên kết sở hữu gián tiếp
Công ty TNHH Alpha Solar 3 Công ty TNHH Alpha Solar 4	
Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NNL Việt Nam Công ty TNHH VVT Việt Nam Công ty TNHH DTT Solar Việt Nam	Công ty liên kết sở hữu gián tiếp Công ty liên kết sở hữu gián tiếp từ ngày 12 tháng 12 năm 2023 Công ty liên kết sở hữu gián tiếp từ ngày 8 tháng 12 năm 2023 Công ty liên kết sở hữu gián tiếp từ ngày 13 tháng 12 năm 2023
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Nghiêm Văn Công ty TNHH NVP Việt Nam	
Công ty TNHH Khởi Duy Solar Công ty TNHH Sỹ Tiến Solar Việt Nam Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Sỹ Tiến Công ty TNHH DVL Solar Việt Nam Công ty TNHH Đầu tư Phát triển DTH Việt Nam Công ty TNHH NDT Việt Nam Công ty TNHH Đầu tư Quang Trung Solar Việt Nam	Bên liên quan khác đến ngày 13 tháng 6 năm 2024 Bên liên quan khác đến ngày 19 tháng 6 năm 2024 Bên liên quan khác đến ngày 19 tháng 6 năm 2024 Bên liên quan khác đến ngày 19 tháng 6 năm 2024 Bên liên quan khác đến ngày 19 tháng 6 năm 2024 Bên liên quan khác đến ngày 19 tháng 6 năm 2024 Bên liên quan khác đến ngày 19 tháng 6 năm 2024
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Long Văn Công ty TNHH Long Văn Solar Việt Nam Công ty TNHH Long Văn Việt Nam Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Khởi Duy Công ty TNHH NHY Việt Nam Công ty TNHH Khởi Duy Việt Nam	Bên liên quan khác đến ngày 13 tháng 6 năm 2024 Bên liên quan khác đến ngày 19 tháng 6 năm 2024 Bên liên quan khác đến ngày 19 tháng 6 năm 2024 Bên liên quan khác đến ngày 20 tháng 6 năm 2024 Bên liên quan khác đến ngày 20 tháng 6 năm 2024 Bên liên quan khác đến ngày 13 tháng 6 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty và các công ty con với các bên liên quan trong giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 bao gồm:

Đơn vị tính: VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Doanh thu cung cấp dịch vụ		
Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NNL Việt Nam	144.000.000	147.500.000
Công ty TNHH VVT Việt Nam	144.000.000	147.500.000
Công ty TNHH Alpha Solar 4	218.258.740	432.000.000
Công ty TNHH Alpha Solar 3	217.238.740	432.000.000
Công ty TNHH Alpha Solar 2	217.238.740	432.000.000
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Long Văn	144.000.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Long Văn Việt Nam	144.000.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Nghiêm Văn	144.000.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Khởi Duy Solar	144.000.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Long Văn Solar Việt Nam	144.000.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Nghiêm Văn Việt Nam	144.000.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Khởi Duy Việt Nam	144.000.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Sỹ Tiến	144.000.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Khởi Duy	144.000.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Sỹ Tiến Solar Việt Nam	144.000.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH DVL Solar Việt Nam	144.000.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển DTH Việt Nam	144.000.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH NDT Việt Nam	144.000.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời NHY Việt Nam	144.000.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH NHY Việt Nam	144.000.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH NVP Việt Nam	144.000.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời NVP Việt Nam	144.000.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH DTT Solar Việt Nam	144.000.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Đầu tư Quang Trung Solar Việt Nam	144.000.000	Chưa là bên liên quan
TỔNG CỘNG	3.676.736.220	1.591.000.000
Mua hàng và sử dụng dịch vụ		
Công ty Cổ phần Amber Capital	467.883.870	1.232.332.224
Công ty TNHH Alpha Solar 4	2.455.800	4.911.600
Công ty TNHH Alpha Solar 3	1.407.312	2.814.624
TỔNG CỘNG	471.746.982	1.240.058.448

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Công ty và các công ty con mua và bán hàng hóa, dịch vụ với các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả, tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty và các công ty con chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty và các công ty con (tại ngày 1 tháng 1 năm 2024: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi kỳ thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan *Ngày 30 tháng 6 năm 2024* *Ngày 1 tháng 1 năm 2024*

Phải thu khách hàng ngắn hạn (Thuyết minh số 6.1) – Cung cấp dịch vụ

Công ty TNHH Đầu Tư Năng Lượng NNL Việt Nam	155.520.000	375.480.000
Công ty TNHH VVT Việt Nam	155.520.000	375.480.000
Công ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời Nghiêm Văn	155.520.000	313.920.000
Công ty TNHH NVP Việt Nam	155.520.000	375.480.000
Công ty TNHH DTT Solar Việt Nam	155.520.000	313.920.000
Công ty TNHH Alpha Solar 3	Không còn là bên liên quan	466.560.000
Công ty TNHH Alpha Solar 4	Không còn là bên liên quan	466.560.000
Công ty TNHH Alpha Solar 2	Không còn là bên liên quan	466.560.000
Công ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời Long Văn	Không còn là bên liên quan	313.920.000
Công ty TNHH Long Văn Việt Nam	Không còn là bên liên quan	313.920.000
Công ty TNHH Khởi Duy Solar	Không còn là bên liên quan	313.920.000
Công ty TNHH Long Văn Solar Việt Nam	Không còn là bên liên quan	313.920.000
Công ty TNHH Nghiêm Văn Việt Nam	Không còn là bên liên quan	375.480.000
Công ty TNHH Khởi Duy Việt Nam	Không còn là bên liên quan	313.920.000
Công ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời Sỹ Tiến	Không còn là bên liên quan	313.920.000
Công ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời Khởi Duy	Không còn là bên liên quan	313.920.000
Công ty TNHH Sỹ Tiến Solar Việt Nam	Không còn là bên liên quan	313.920.000
Công ty TNHH DVL Solar Việt Nam	Không còn là bên liên quan	313.920.000
Công ty TNHH Đầu Tư Phát Triển DTH Việt Nam	Không còn là bên liên quan	375.480.000
Công ty TNHH NDT Việt Nam	Không còn là bên liên quan	375.480.000
Công ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời NHY Việt Nam	Không còn là bên liên quan	375.480.000
Công ty TNHH NHY Việt Nam	Không còn là bên liên quan	375.480.000
Công ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời NVP Việt Nam	Không còn là bên liên quan	375.480.000
Công ty TNHH Đầu Tư Quang Trung Solar Việt Nam	Không còn là bên liên quan	375.480.000
TỔNG CỘNG	777.600.000	8.607.600.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan Ngày 30 tháng 6 năm 2024 Ngày 1 tháng 1 năm 2024

Phải thu khác (Thuyết minh số 9) - Đặt cọc thuê văn phòng

Công ty Cổ phần Amber Capital	Không còn là bên liên quan	430.000.000
TỔNG CỘNG	-	430.000.000

Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 14) – Mua dịch vụ

Công ty Cổ phần Amber Capital	Không còn là bên liên quan	769.781.575
TỔNG CỘNG	-	769.781.575

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát, thu nhập của thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ:

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Thù lao của Hội đồng Quản trị	137.500.000	150.000.000
Bà Nguyễn Thị Lan	35.000.000	60.000.000
Ông Phan Thành Đạt	42.500.000	30.000.000
Ông Nguyễn Thanh Long	30.000.000	30.000.000
Ông Bùi Tuấn Dương	30.000.000	30.000.000
Lương, thưởng và thu nhập khác của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	778.966.339	929.606.360
Ông Phan Thành Đạt	223.789.739	357.712.000
Ông Bùi Tuấn Dương	266.139.200	294.379.493
Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	257.459.200	277.514.867
Bà Lê Thị Trang	31.578.200	-
Thù lao của Ban Kiểm soát	66.000.000	66.000.000
Ông Trần Minh Đức	30.000.000	30.000.000
Bà Nguyễn Thị Phương	18.000.000	18.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	18.000.000	18.000.000
TỔNG CỘNG	982.466.339	1.145.606.360

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu.

	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đồng sở hữu cổ phiếu phổ thông	16.120.748.667	6.119.940.849
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(489.595.268)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đồng sở hữu cổ phiếu phổ thông	16.120.748.667	5.630.345.581
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	21.000.000	21.000.000
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	21.000.000	21.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	768	268
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	768	268

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 đã được điều chỉnh để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2024/HIO/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 4 năm 2024.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2024 do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho năm hiện tại.

29. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Công ty và các công ty con lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty và các công ty con bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty và các công ty con cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Công ty và các công ty con được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty và các công ty con cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau, bao gồm các bộ phận kinh doanh như sau:

- ▶ Bộ phận sản xuất điện;
- ▶ Bộ phận cung cấp dịch vụ tư vấn, quản lý;
- ▶ Bộ phận kinh doanh khác bao gồm dịch vụ cho thuê hoạt động và hoạt động nông nghiệp.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty cũng xác định hoạt động kinh doanh của Công ty và các công ty con chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam, theo đó, Công ty không trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý.

Công ty Cổ phần Helio Energy

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Hoạt động sản xuất điện	Hoạt động cung cấp dịch vụ tư vấn, quản lý	Hoạt động khác	Điều chỉnh	Đơn vị tính: VND
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024					
Doanh thu	56.308.375.728	6.849.216.520	2.349.191.790	-	65.506.784.038
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài					
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận	-	4.826.422.000	-	(4.826.422.000)	-
Tổng doanh thu	56.308.375.728	11.675.638.520	2.349.191.790	(4.826.422.000)	65.506.784.038
Kết quả					
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trước thuế của bộ phận	29.813.907.192	2.567.752.422	(229.130.841)	-	32.152.528.773
Thu nhập/(chi phí) không phân bổ (i)					(15.400.942.452)
Lợi nhuận thuần trước thuế					16.751.586.321
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					(630.837.654)
Lợi nhuận thuần sau thuế					16.120.748.667
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024					
Tài sản và công nợ					
Tài sản bộ phận	413.204.625.716	8.583.425.352	54.841.723.998	-	476.629.775.066
Tài sản không phân bổ (ii)					53.840.465.674
Tổng tài sản					530.470.240.740
Công nợ bộ phận	3.179.342.090	2.669.543.108	169.691.750	-	6.018.576.948
Công nợ không phân bổ (iii)					275.518.345.051
Tổng công nợ					281.536.921.999
Các thông tin bộ phận khác					
Chi phí khấu hao, hao mòn và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	20.391.136.017	-	2.290.363.430	-	22.681.499.447

Công ty Cổ phần Helio Energy

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau (tiếp theo):

	Hoạt động sản xuất điện	Hoạt động cung cấp dịch vụ tư vấn, quản lý	Hoạt động khác	Điều chỉnh	Đơn vị tính: VND
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023					
Doanh thu					
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	53.339.610.408	8.680.500.000	2.444.775.086	-	64.464.885.494
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận	-	4.996.000.000	-	(4.996.000.000)	-
Tổng doanh thu	53.339.610.408	13.676.500.000	2.444.775.086	(4.996.000.000)	64.464.885.494
Kết quả					
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trước thuế của bộ phận	25.747.889.458	3.490.457.138	(119.587.658)	-	29.118.758.938
Thu nhập/(chi phí) không phân bổ (i)					(22.130.051.128)
Lợi nhuận thuần trước thuế					6.988.707.810
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					(868.766.961)
Lợi nhuận thuần sau thuế					6.119.940.849
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024 (*)					
Tài sản và công nợ					
Tài sản bộ phận	472.553.916.825	14.899.342.686	55.081.365.457	-	542.534.624.968
Tài sản không phân bổ (ii)					3.787.152.990
Tổng tài sản					546.321.777.958
Công nợ bộ phận	6.123.192.188	3.015.865.132	13.122.000	-	9.152.179.320
Công nợ không phân bổ (iii)					303.551.146.776
Tổng công nợ					312.703.326.096
Các thông tin bộ phận khác					
Chi phí khấu hao, hao mòn và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	20.994.186.558	-	2.330.073.000	-	23.324.259.558

(i) Thu nhập/(chi phí) không phân bổ chủ yếu bao gồm doanh thu tài chính, chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp và thu nhập khác và chi phí khác.

(ii) Tài sản không phân bổ chủ yếu bao gồm tiền, các khoản trả trước và phải thu khác.

(iii) Công nợ không phân bổ chủ yếu bao gồm thuế và các khoản phải nộp Nhà nước, phải trả người lao động, chi phí phải trả, phải trả khác, các khoản vay không dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh, quỹ khen thưởng phúc lợi và thuế TNDN hoãn lại phải trả.

(*) Một số công nợ bộ phận, công nợ không phân bổ đã được phân loại lại để phù hợp với việc trình bày số liệu kỳ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

30. CÁC CAM KẾT

Cam kết về thuê hoạt động

Công ty và các công ty con thuê văn phòng, thuê đất, thuê mái nhà và thuê các thiết bị theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, cam kết về tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai của Công ty và các công ty con theo các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Ngày 1 tháng 1 năm 2024</i>
Đến 1 năm	5.854.972.240	4.938.891.675
Từ 1 – 5 năm	15.323.598.260	16.103.854.349
Trên 5 năm	36.761.000.161	38.121.659.956
TỔNG CỘNG	<u>57.939.570.661</u>	<u>59.164.405.980</u>

Cam kết cho thuê hoạt động

Công ty và các công ty con hiện đang cho thuê quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo các hợp đồng cho thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải thu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Ngày 1 tháng 1 năm 2024</i>
Đến 1 năm	5.497.000.000	4.647.166.667
Từ 1 – 5 năm	11.600.000.000	13.920.000.000
TỔNG CỘNG	<u>17.097.000.000</u>	<u>18.567.166.667</u>

31. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con.




Đỗ Thị Trang
Người lập biểu



Lê Thị Trang
Kế toán trưởng




Phan Thành Đạt
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 7 năm 2024